

Bản án số: **07/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 19/6/2020

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hg Cúc Phương

2. Ông Hồ Bá Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2020/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lò Thị D**, sinh năm 1997; Địa chỉ: Bản C, xã N, thành phố Đ, tỉnh B (*có mặt*);

2. Bị đơn: Ông **Lò Văn H**, sinh năm 1995; Địa chỉ: Bản C, xã N, thành phố Đ, tỉnh B (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lò Thị D trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Lò Thị D kết hôn với ông Lò Văn H vào ngày 9/10/2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ (nay là thành phố Điện Biên Phủ), tỉnh Điện Biên, hai người kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, bà D và ông H về chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do ông H đưa đòi bạn bè lao vào con đường nghiện ngập ma túy, mặc dù bà D đã khuyên can nhiều lần nhưng ông H không nghe mà ngày càng nghiện nặng hơn. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, sống với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc. Nay bà D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà D đề nghị Tòa án giải quyết cho bà D được ly hôn với ông H để giải phóng cho cả hai bên.

- Về con chung: Bà D và ông H có 01 con chung là: cháu Lò Thị Bích C - sinh ngày 04/11/2014. Hiện tại bà D là người đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, khi ly hôn bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà D.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Bị đơn ông Lò Văn H không có ý kiến trả lời Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lò Thị D.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ về yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Bà Lò Thị D có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giải quyết ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Lò Văn H có địa chỉ cư trú tại xã N, thành phố Điện Biên Phủ nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Các vấn đề khác: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự đối với ông Lò Văn H tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên tòa xét xử nhưng ông H không đến. Do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, đây là lần thứ 2 bị đơn vắng mặt, HĐXX căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật dân sự, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:

2.1 Về hôn nhân: Bà Lò Thị D và ông Lò Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do ông H mắc nghiện ma túy không có trách nhiệm với vợ con, với gia đình từ đó vợ chồng sống với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc. Bà D và ông H đã sống ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên HĐXX cần cho bà D được ly hôn với ông H là phù hợp.

2.2 Về con chung: Bà D và ông H có 01 con chung là: cháu Lò Thị Bích C - sinh ngày 04/11/2014. Hiện tại bà D là người đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, khi ly hôn bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà D.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Xét về điều kiện thực tế thì hiện tại bà D là người đang trực tiếp nuôi con chung là cháu C. Trưởng bản C, xã N cho biết ông Lò Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Bản C, xã N, thành phố Điện Biên Phủ. Trong thời gian qua ông H đi về thất thường, ít có mặt tại địa phương, ông H đi làm ăn hoặc sinh sống ở đâu ông H không thông báo cho chính quyền địa phương biết. Hiện tại ông H không có công việc ổn định nên không có thu nhập. Vì vậy không thể đảm bảo cuộc sống cho cháu C được. Hơn nữa cháu C còn nhỏ rất cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ. Nên HĐXX cần chấp nhận nguyện vọng bà D là phù hợp.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Lò Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn vì bà D là dân tộc ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lò Thị D về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

2.1 Về hôn nhân: Bà Lò Thị D được ly hôn với ông Lò Văn H.

2.2 Về con chung: Giao cháu Lò Thị Bích C - sinh ngày 04/11/2014 cho bà Lò Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Bà D tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà D.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3 Về tài sản, nợ: Không đề cập giải quyết.

3. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí Dân sự sơ thẩm cho bà Lò Thị D.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/6/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND thành phố ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS thành phố ĐBP;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Tám